

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TT
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/7/2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TT, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị L. A và ông Trần Giai Thường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TT: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25/7/2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 109/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/7/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987; HKTT: khu phố L, phường S, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1981; HKTT: khu phố Lạc H, phường S, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* UBND phường S, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị H1 - Chủ tịch UBND phường. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Phó chủ tịch UBND phường. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Gi ngày 27/11/2003 tại UBND xã S, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh nay là UBND phường S, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, tại thời điểm kết hôn chị khai ngày tháng năm sinh là 06/02/1986. Chị không xuất trình giấy tờ tùy thân khi đăng ký kết hôn mà chỉ có lời trình bày ngày tháng năm sinh để công chức tư pháp hộ tịch ghi vào giấy chứng nhận kết hôn. Hiện tại căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của chị ghi ngày tháng năm sinh là 01/9/1987.

Sau khi kết hôn chị và anh Gi chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại Lạc H, S, TT, Bắc Ninh.

Theo chị, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ sau ngày cưới khoảng 10 năm do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã lẫn nhau nên không còn tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị xin ly hôn anh Gi.

Con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị L. A, sinh ngày 20/12/2005, Nguyễn Trung H3, sinh ngày 25/10/2019 và Nguyễn Quỳnh Ch, sinh ngày 20/10/2020. Hiện các cháu khỏe mạnh. Cháu L. A đã trưởng thành nên không đề nghị tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi cháu H3 và cháu Ch. Cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh Gi phải đóng góp. Anh Gi có quyền đi lại thăm con.

Tài sản chung, nợ chung chị xác định không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Gi trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 27/11/2003 tại UBND xã S, huyện TT, tỉnh Bắc Ninh này là phường S, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian tìm hiểu anh không biết chị H sinh năm 1987 mà chị H nói sinh năm 1986 nên anh cũng chỉ biết chị H sinh năm 1986. Khi đi đăng ký kết hôn tại UBND xã S, chị H không xuất trình giấy tờ tùy thân mà chỉ có lời trình bày ngày tháng năm sinh là 06/02/1986. Nên trên giấy chứng nhận kết hôn của anh chị ghi chị H có ngày tháng năm sinh là 06/02/1986 mà không phải là 01/9/1987 như căn cước công dân hiện tại của chị H.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại L, S, TT, Bắc Ninh.

Theo anh, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Con chung: Anh xác định vợ chồng có 3 con chung là Nguyễn Thị L. A, sinh ngày 20/12/2005, Nguyễn Trung H3, sinh ngày 25/10/2019 và Nguyễn Quỳnh Ch, sinh ngày 20/10/2020. Hiện các cháu khỏe mạnh. Cháu L. A đã trưởng thành nên không đề nghị tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cháu H3 và cháu Ch, anh đồng ý. Cấp dưỡng nuôi con anh không phải đóng góp cho chị H. Anh có quyền đi lại thăm nom con chung.

Tài sản chung nợ chung không có nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường S trình bày: Ngày 27/11/2003, UBND xã S đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn Gi, sinh ngày 07/11/1981 và chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 06/02/1986. Theo thông tin anh Gi, chị H cung cấp thì anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. UBND xã S không xác minh năm sinh của chị H. Hiện tại chị H xuất trình căn cước công dân có ghi ngày tháng năm sinh là 01/9/1987. Đối ch3 ngày tháng năm sinh trên Giấy

chứng nhận kết hôn và Căn cước công dân thì thấy chị H có ngày tháng năm sinh được công nhận là ngày 01/9/1987. Như vậy, thời điểm năm 2003, chị H chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật. UBND phường S đề nghị tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị H và anh Gi.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án xác minh tại địa phương và kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại UBND phường S thể hiện chị H có ngày tháng năm sinh là 06/02/1986. Đối chiếu với ngày tháng năm sinh trên căn cước công dân là ngày 01/9/1987 thì thấy có sự chênh lệch về tuổi của chị H giữa 2 ngày tháng năm sinh nêu trên. Chị H xác định ngày tháng năm sinh chính xác của chị là ngày 01/9/1987 theo căn cước công dân và đề nghị tòa án sử dụng ngày tháng năm sinh của chị là ngày 01/9/1987.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc T theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 8, 9, 11, 12, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/ TTLT- TANDTC- VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Gi.

- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Trung H3, sinh ngày 25/10/2019 và Nguyễn Quỳnh Ch, sinh ngày 20/10/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn anh Gi có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không đề nghị tòa án giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn cùng có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại phường S, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TT theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thị xã TT thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND phường S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn Gi kết hôn ngày 27/11/2003 được UBND xã S, huyện TT, nay là phường S, thị xã TT, tỉnh Bắc Ninh cho đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. UBND xã S và chị H, anh Gi đều xác định, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị H không cung cấp giấy tờ tùy thân để chứng minh ngày tháng năm sinh mà chỉ trình bày ngày tháng năm sinh là 06/02/1986 nên trên giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ngày tháng năm sinh là 06/02/1986. Hiện chị H xác định ngày tháng năm sinh 01/9/1987 theo căn cước công dân được Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp là đúng ngày tháng năm sinh của chị.

Như vậy tính từ ngày 01/9/1987 đến ngày 27/11/2003 chị H được 16 tuổi 02 tháng 27 ngày chưa đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên. Ngoài vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi thì chị H và anh Gi không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác. Tính đến ngày 01/9/2005 chị H đủ 18 tuổi, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chị H, anh Gi phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện tại chị H, anh Gi cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh Gi không đạt được. Chị H và anh Gi cùng đề nghị toà án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/ TTLT- TANDTC- VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 quy định:

“2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

...

c) Trường hợp hai bên cùng yêu cầu Tòa án cho ly hôn hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì Tòa án giải quyết cho ly hôn. Trường hợp này, quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con từ thời điểm kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con khi ly hôn; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến trước thời điểm đủ điều kiện kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn đến thời điểm ly hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình”.

Chị H và anh Gi cùng đề nghị ly hôn. Vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh Gi là phù hợp.

Con chung: Chị H và anh Gi có 3 con chung là Nguyễn Thị L. A, sinh ngày 20/12/2005, Nguyễn Trung H3, sinh ngày 25/10/2019 và Nguyễn Quỳnh Ch, sinh ngày 20/10/2020. Hiện các cháu khỏe mạnh. Cháu L. A đã trưởng thành nên chị H, anh Gi không đề nghị tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cháu H3 và cháu Ch, anh Gi đồng ý. Do vậy, cần giao 02 con chung là cháu Ch và cháu H3 cho chị H nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh Gi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung các đương sự không đề nghị tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, 9, 11, 12, 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC- VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Gi.

- Con chung: Giao con chung là Nguyễn Trung H3, sinh ngày 25/10/2019 và Nguyễn Quỳnh Ch, sinh ngày 20/10/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh Gi có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số BLTU/23/0003390 ngày 06/6/2024 của Ch cục thi hành án dân sự thị xã TT. tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS thị xã TT;
- UBND phường S, Tx TT
(KH số 30 ngày 27/11/2003)
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký
Vũ Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA